

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Phương pháp đánh giá: Đạt/Không đạt

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư, vật liệu xây dựng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|------------------|
| 1.1. Đối với các vật tư, vật liệu chính: Xi măng, nhựa đường, cốt thép, cát, đá, bê tông nhựa, ống công BTCT và các vật liệu khác. | i) Có cam kết tất cả vật tư, vật liệu được sử dụng cho công trình này đều mới, chưa từng qua sử dụng, thuộc thể hệ mới nhất; ii) Có Bảng liệt kê vật tư, vật liệu, trong đó thể hiện rõ: Chủng loại, xuất xứ; nguồn cung cấp; đề xuất tối đa 2 chủng loại vật tư. (kèm tài liệu chứng minh.) iii) Có hợp đồng nguyên tắc từ Nhà sản xuất/Nhà cung cấp vật liệu (trừ trường hợp có yêu cầu khác) (Nhà sản xuất, nhà cung ứng phải có đầy đủ hồ sơ pháp lý hợp lệ theo quy định kèm theo). Trường hợp Nhà thầu tự cung ứng, đề nghị nộp kèm tài liệu chứng minh. iv) Đề xuất tiêu chuẩn áp dụng đảm bảo chất lượng vật tư/vật liệu (nếu tại mục vật liệu không yêu cầu tiêu chuẩn áp dụng); cách bảo quản và biện pháp đảm bảo chất lượng vật tư/vật liệu của nhà thầu | Đạt |
| | Không có đầy đủ các nội dung theo yêu cầu | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

2. Giải pháp kỹ thuật:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|------------------|
| 2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công | Có giải pháp đầy đủ hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trường công trình xây dựng. Có bản vẽ bố trí mặt bằng đầy đủ, phù hợp. | Đạt |
| | Giải pháp không đầy đủ, hoặc không hợp lý, hoặc không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trường công trình xây dựng. Không có bản vẽ bố trí mặt bằng, hoặc bản vẽ bố trí không đầy đủ, phù hợp. | Không đạt |
| 2.2. Giải pháp kỹ thuật đặc để định vị các kết cấu công trình (trong suốt quá trình thi công và nghiệm thu bàn giao). | Có giải pháp kỹ thuật đầy đủ, hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt |
| | Giải pháp kỹ thuật không đầy đủ, hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt |
| 2.3. Giải pháp kỹ thuật thi công nền đường, mặt đường | Có giải pháp kỹ thuật đầy đủ, hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt |
| | Giải pháp kỹ thuật không đầy đủ, hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt |
| 2.4. Giải pháp kỹ thuật thi công các loại cống, rãnh, an toàn giao thông và các hạng mục khác. | Có giải pháp kỹ thuật đầy đủ, hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt |
| | Giải pháp kỹ thuật không đầy đủ, hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt |
| Kết luận | Tất cả tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt hoặc chấp nhận được. | Đạt |
| | Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

3. Biện pháp tổ chức thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------------|
| 3.1. Thi công nền, mặt đường, cống, rãnh...: bố trí đủ số mũi thi công đáp ứng yêu cầu tiến độ, mô tả biện pháp, công nghệ thi công các hạng mục chính theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật | Có đề xuất đầy đủ, đáp ứng yêu cầu | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc đề xuất thiếu hoặc không đáp ứng yêu cầu. | Không đạt |
| 3.2 Bản vẽ mặt bằng bố trí thi công, tổ chức thi công đầy đủ, khả thi phù hợp với tiến độ thi công và hồ sơ thiết kế đính kèm | Có bản vẽ đầy đủ, khả thi phù hợp với tiến độ thi công | Đạt |
| | Không có bản vẽ đầy đủ, khả thi phù hợp với tiến độ thi công | Không đạt |
| 3.5 Biện pháp huy động máy móc thiết bị, nhân lực phục vụ thi công | Có biện pháp huy động máy móc thiết bị, nhân lực phục vụ thi công khả thi, phù hợp với tiến độ thi công, số lượng máy móc thiết bị, nhân lực phù hợp và đáp ứng yêu cầu tối thiểu kèm theo đầy đủ tài liệu chứng minh theo yêu cầu. | Đạt |
| | Không có biện pháp huy động máy móc thiết bị, nhân lực phục vụ thi công, hoặc có biện pháp nhưng không khả thi, không phù hợp với tiến độ thi công, hoặc số lượng máy móc thiết bị, nhân lực không phù hợp, không đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoặc không đầy đủ tài liệu chứng minh theo yêu cầu. | Không đạt |
| Kết luận | Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

4. Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|------------------|
| 4.1. Thời gian thi công: Đảm bảo thời gian thi công không quá 150 ngày có tính đến điều kiện thời tiết. | Đề xuất tổng thời gian thi công không vượt quá 150 ngày có tính đến điều kiện thời tiết. | Đạt |
| | Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 150 ngày. | Không đạt |

| | | |
|--|---|------------------|
| 4.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị, vật tư và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) b). | Đạt |
| | Đề xuất không đầy đủ, hoặc không hợp lý, hoặc không khả thi 2 nội dung a) b). | Không đạt |
| 4.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT | Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT. | Đạt |
| | Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp ứng yêu cầu của HSMT. | Không đạt |
| 4.4. Huy động nhân sự đáp ứng tiến độ thi công | Đề xuất danh sách công nhân phù hợp với biện pháp và tiến độ thi công | Đạt |
| | Không đề xuất danh sách công nhân phù hợp với biện pháp và tiến độ thi công | Không đạt |
| Kết luận | Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|------------------|
| 5.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công. (1) Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và máy móc thiết bị thi công. (2) Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị khi mưa bão. (3) Biện pháp bảo đảm chất lượng và tiêu chuẩn thi công nghiệm thu cho các công tác | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không đạt |

| | | |
|---|--|------------------|
| thi công chính. | | |
| 5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công. | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công. | Không đạt |
| Kết luận | Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

6. Phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|------------------|
| 6.1. Phòng chống cháy nổ | | |
| Biện pháp phòng chống cháy nổ hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và đầy đủ nội dung theo quy định | Có biện pháp phòng chống cháy nổ hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và đầy đủ nội dung theo quy định | Đạt |
| | Không có biện pháp phòng chống cháy nổ hoặc có biện pháp phòng chống cháy nổ nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công hoặc không đầy đủ nội dung theo quy định | Không đạt |
| 6.2. Vệ sinh môi trường | | |
| Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và đầy đủ nội dung theo quy định | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và đầy đủ nội dung theo quy định. Cam kết sẽ thực hiện vận chuyển đổ thải đúng nơi quy định của địa phương trong suốt quá trình thi công. | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường | Không đạt |

| | | |
|-----------------|---|------------------|
| | <p>trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công hoặc không đầy đủ nội dung theo quy định.</p> <p>Không cam kết sẽ thực hiện vận chuyển đồ thải đúng nơi quy định của địa phương trong suốt quá trình thi công.</p> | |
| Kết luận | Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

7. An toàn công trình, an toàn lao động, an toàn giao thông:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------------|
| 7.1. An toàn công trình | | |
| Biện pháp an toàn công trình hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và đầy đủ nội dung theo quy định | Có biện pháp an toàn công trình hợp lý, bản vẽ biện pháp khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và đầy đủ nội dung theo quy định | Đạt |
| | Không có biện pháp an toàn công trình hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công hoặc không đầy đủ nội dung theo quy định | Không đạt |
| 7.2. An toàn lao động | | |
| Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và đầy đủ nội dung theo quy định. Kế hoạch tổng hợp về an toàn theo quy định tại nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021. | Có biện an toàn lao động hợp lý, bản vẽ biện pháp khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công đầy đủ nội dung, có kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động theo quy định. Có Kế hoạch tổng hợp về an toàn đầy đủ nội dung theo quy định. | Đạt |
| | Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công hoặc không đầy đủ nội dung, không có kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động theo quy định. Không có Kế hoạch tổng | Không đạt |

| | | |
|--|---|------------------|
| | hợp về an toàn đầy đủ nội dung theo quy định. | |
| 7.3. An toàn giao thông | | |
| Biện pháp an toàn giao thông hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và đầy đủ nội dung theo quy định đối với công trình thi công trên đường đang khai thác. | Có biện pháp an toàn giao thông hợp lý, bản vẽ biện pháp khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và đầy đủ nội dung theo quy định | Đạt |
| | Không có biện pháp an toàn giao thông hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công hoặc không đầy đủ nội dung theo quy định | Không đạt |
| Kết luận | Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

8. Bảo hành, bảo trì và uy tín của nhà thầu:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------------|
| 8.1. Bảo hành | | |
| Thời gian bảo hành 24 tháng . Giá trị bảo hành 10% Giá Hợp đồng Thuyết minh chi tiết, đầy đủ quy trình bảo hành | Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 24 tháng . Có đề xuất Giá trị bảo hành lớn hơn hoặc bằng 10% Giá hợp đồng Có Thuyết minh chi tiết, đầy đủ quy trình bảo hành | Đạt |
| | Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 24 tháng . Giá trị bảo hành nhỏ hơn 10% Giá hợp đồng Không Thuyết minh chi tiết, đầy đủ quy trình bảo hành | Không đạt |
| 8.2 Bảo trì. | | |
| Thời gian xử lý sự cố trong thời gian bảo hành. | Có cam kết xử lý sự cố trong thời gian bảo hành trong vòng 24h kể từ khi nhận được thông báo từ Chủ đầu tư. | Đạt |
| | Không có cam kết hoặc cam kết không đáp ứng yêu | Không đạt |

| | | |
|--|---|------------------|
| | cầu | |
| 8.3. Uy tín của nhà thầu | | |
| Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu (không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng); Uy tín trong việc thực hiện các hợp đồng thi công xây dựng trước đó. Thời gian đánh giá từ ngày 01/01/2021 trở lại đây | Không thuộc bất kỳ trường hợp nào (không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng, hoặc hợp đồng tương tự chậm tiến độ). Kèm theo bản cam kết của nhà thầu | Đạt |
| | Có bất kỳ gói thầu nào vi phạm các nội dung nêu trên, kể cả vi phạm về tiến độ hoặc chất lượng hoặc các vi phạm khác đã được các chủ đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền nêu ra bằng văn bản hoặc không có bản cam kết. | Không đạt |
| Kết luận | Tất cả tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

***/ Ghi chú:** Đối với các nội dung yêu cầu có bản vẽ chi tiết biện pháp thi công nếu HSDT của nhà thầu không có bản vẽ biện pháp thi công và không hợp lý kèm theo thì nội dung đó được đánh giá là không đạt.